TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2020/DS-ST.
Ngày: 25 - 9 - 2020.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thái.

2. Bà Phạm Thị Như Súy.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2020/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng CSXH VN. Địa chỉ: Số 169 phố LĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

2. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Trần Quý L, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH QS. Địa chỉ: Số 190 HV, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Bị đơn: Anh Phạm Công T, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố TA, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông L trình bày:

Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH QS (sau đây viết là ngân hàng) đã ký kết 02 hợp đồng vay vốn với ông Phạm Q, cụ thể như sau:

Vào ngày 28/12/2016, ông Q đại diện hộ gia đình vay của ngân hàng số tiền 10.000.000 đồng theo khế ước vay vốn số 6600000709252228, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0.55%/tháng, mục đích vay: Buôn bán phế liệu, trả nợ gốc khi đến hạn và trả lãi theo hằng tháng. Anh Phạm Công T là con của ông Q - là thành viên hộ gia đình tại thời điểm vay. Ngày 08/11/2017, anh T ủy quyền cho ông Q vay vốn tại ngân hàng. Ngày 25/01/2018, ông Q được gia hạn nợ 12 tháng nên ngày đến hạn theo khế ước trên là ngày 28/11/2018. Tiếp đến ngày 10/11/2017, ông Qu vay của ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng theo khế ước vay vốn số 6600000711463442, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0.6875%/tháng, mục đích vay: Buôn bán phế liệu, trả nợ gốc khi đến hạn và trả lãi theo hằng tháng, ngày đến hạn là ngày 10/11/2018.

Ông Q chết vào tháng 10/2018, anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Đến ngày 03/4/2020, hộ ông Q mới trả được 1.543.860 đồng tiền lãi của khoản vay 30.000.000 đồng và 992.862 đồng tiền lãi của khoản vay 10.000.000 đồng. Số tiền anh T còn nợ đến ngày 25/9/2020 tổng cộng là 48.778.903 đồng, trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng và nợ lãi 8.778.903 đồng (đối với khế ước số 6600000709252228, nợ gốc là 10.000.000 đồng và nợ lãi là 1.835.343 đồng; khế ước số 6600000711463442, nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi là 6.943.560 đồng). Nay ngân hàng yêu cầu anh T trả số nợ trên và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các khế ước.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 138, Điều 139, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 227; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T cư trú tại tổ dân phố TA, thị trấn ĐP, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Nguyên đơn yêu cầu anh T thanh toán tiền nợ vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về hiệu lực của hợp đồng vay tài sản: Ngày 28/12/2016, ông Q đại diện hộ gia đình ký khế ước vay vốn số 6600000709252228. Ngày 08/11/2017, anh T lập văn bản ủy quyền cho ông Q vay vốn tại ngân hàng. Đến ngày 25/01/2018, ông Q được gia hạn nợ 12 tháng đối với khế ước số 6600000709252228 nên ngày đến hạn là ngày 28/11/2018. Ngày 10/11/2017, hộ ông Q tiếp tục ký khế ước vay vốn số 6600000711463442. Các hợp đồng vay được ký kết trên cơ sở tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Các hợp đồng vay đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, các hợp đồng vay trên có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo khế ước vay vốn số 6600000709252228 thì ông Q và anh T có nghĩa vụ trả nợ gốc khi đến hạn (ngày 28/11/2018) và trả lãi theo hằng tháng. Theo khế ước vay vốn số 6600000711463442 thì ông Q và anh T có nghĩa vụ trả nợ gốc khi đến hạn (ngày 10/11/2018) và trả lãi theo hằng tháng. Tuy nhiên, trong quá trình vay vốn, ông Q và anh T đã không trả lãi theo đúng cam kết. Sau khi ông Q chết và hiện nay các khoản vay đã quá hạn nhưng anh T vẫn không trả nợ gốc và lãi theo cam kết trong các khế ước. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với anh T nhưng anh T không chịu trả nợ. Như vậy, anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng vay.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh T phải thanh toán tiền nợ vay cho ngân hàng tổng cộng là 48.778.903 đồng, trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng và nợ lãi 8.778.903 đồng (đối với khế ước số 6600000709252228, nợ gốc là 10.000.000 đồng và nợ lãi là 1.835.343 đồng; khế ước số 6600000711463442, nợ gốc là 30.000.000 đồng và

nợ lãi là 6.943.560 đồng). Anh T tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các khế ước.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 138, Điều 139, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXHVN về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

1. Anh Phạm Công T phải trả cho Ngân hàng CSXHVN tổng số tiền là 48.778.903 đồng, trong đó nợ gốc 40.000.000 đồng và nợ lãi 8.778.903 đồng (đối với khế ước số 6600000709252228 ngày 28/12/2016, nợ gốc là 10.000.000 đồng và nợ lãi là 1.835.343 đồng; khế ước số 6600000711463442 ngày 10/11/2017, nợ gốc là 30.000.000 đồng và nợ lãi là 6.943.560 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu là 2.438.945 đồng.

Trả lại cho Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH Quế Sơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.168.110 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001554 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25 - 9 - 2020), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ